

## **GIẢI QUYẾT CÁC VẤN ĐỀ XÃ HỘI TRÊN CƠ SỞ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - KINH NGHIỆM HÀN QUỐC VÀ GỢI Ý CHO VIỆT NAM**

**NGÔ XUÂN BÌNH\***

Như đã biết, chỉ hơn 3 thập kỷ, Hàn Quốc từ một quốc gia chậm phát triển trở thành một “con Rồng” với bước nhảy từ 100USD đầu người đầu những năm 1960 tới 10.000 USD đầu người vào năm 1995, Hàn Quốc đã viết nên câu chuyện thần kỳ bên sông Hàn. Cùng với những thành công trong công cuộc công nghiệp hoá, Hàn Quốc cũng đạt được những thành tựu nổi bật trong việc giải quyết các vấn đề xã hội. Kinh nghiệm của Hàn Quốc trong vấn đề này đã và đang thu hút sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu. Bài viết sau đây giúp nhận diện một số đặc điểm chủ yếu trong việc giải quyết các vấn đề xã hội trên cơ sở phát triển kinh tế của Hàn Quốc và từ đó đề xuất một vài gợi ý cho Việt Nam.

### **I. Kinh nghiệm Hàn Quốc**

*1. Phát triển kinh tế được đẩy trước một bước và sau đó kết hợp với việc giải quyết các vấn đề xã hội.*

Có thể nói đây là đặc điểm nổi bật trong chính sách phát triển kinh tế xã hội của Hàn Quốc trong thời kỳ sau khi giành được độc lập cho tới hết thập kỷ 1970. Như đã biết, Hàn Quốc sau khi giành được độc lập (1945) đã bắt tay vào xây dựng kinh tế mà bước đầu tiên là họ tập trung mọi nguồn lực, đặc biệt là nguồn tài trợ từ chính phủ Mỹ để khôi phục kinh tế sau chiến tranh;

đồng thời tiến hành cải cách ruộng đất, thực hiện chính sách phân phối lại ruộng đất nhằm phục hồi nền nông nghiệp yếu kém và giải quyết một phần những bức xúc của người nông dân. Lúc đó, nông nghiệp và nông dân là một phần trọng yếu trong nền kinh tế và trong hệ thống chính trị - xã hội của Hàn Quốc. Họ không xác định nông nghiệp là mặt trận hàng đầu như ở Việt Nam song thực tế của một quốc gia có tới 90% dân số là nông dân đòi hỏi những nhà lãnh đạo nước này ưu tiên cho phát triển nông nghiệp và nông thôn. Điều lưu ý là hai cuộc cải cách ruộng đất diễn ra vào năm 1947 và 1949 được thực hiện rất thành công. Người ta không thủ tiêu tầng lớp địa chủ về mặt giai cấp mà chỉ điều tiết qui mô ruộng đất được phép sở hữu và số đất bị điều tiết được chia cho tá điền. Người tá điền cũng như địa chủ được chính phủ cấp giấy chứng nhận giá trị đất và giấy này người chủ đất có thể đổi lấy trái phiếu công nghiệp hoặc chuyển nhượng tự do. Bằng cách làm này, nông nghiệp Hàn Quốc bảo toàn được lực lượng sản xuất (Địa chủ không bị thủ tiêu) và có nền tảng để tiếp tục phát triển. Hơn nữa, người tá điền có ruộng đã tạo ra tâm lí phấn khởi, tin tưởng vào chính quyền mới, từ đó tạo ra sự đồng thuận trong nhân dân. Bởi vậy, xét ở khía cạnh xã hội, thì cuộc cải cách ruộng đất ở Hàn Quốc có ý nghĩa to lớn. Và cho dù ở thời kỳ này, người ta chưa đề cập tới việc giải quyết các vấn đề xã hội mang tính

---

\*Phó Giáo sư, Tiến sĩ, Viện trưởng Viện Nghiên cứu Đông Bắc Á

chiến lược như sau đó, song thực tiễn của một đất nước sau chiến tranh đòi hỏi Hàn Quốc phải thực thi công cuộc khôi phục kinh tế theo phương châm chú trọng cải thiện điều kiện sống của người nông dân. Trên thực tế, đây cũng là phương thức kết hợp khôi phục kinh tế kết hợp giải quyết các vấn đề xã hội ở giai đoạn ban đầu của Hàn Quốc và trong suốt hai thập kỷ kể từ 1960, nước này đã thực thi chiến lược công nghiệp hoá định hướng xuất khẩu ở đó ưu tiên phát triển công nghiệp nặng được đặc biệt chú trọng. Nhờ đó, Hàn Quốc đã xây dựng được các tập đoàn kinh tế mạnh, tập trung các nguồn lực để đẩy nhanh tiến trình công nghiệp hoá đất nước, tạo cơ sở để duy trì mức tăng trưởng cao, và tạo ra nhiều việc làm mới góp phần giải quyết sức ép về lao động và gia tăng thu nhập cho người dân. Ở thời kỳ này chính sách ưu tiên phát triển kinh tế, sau đó và kết hợp giải quyết các vấn đề xã hội được coi là nội dung then chốt trong chiến lược phát triển của quốc gia này và có thể nói họ đã thành công. Tuy nhiên khi kinh tế tăng trưởng cao, sự bất bình đẳng trong phân phối thu nhập lại xuất hiện song đây là sự bất bình đẳng của “những người không còn nghèo” như trước.

**2. Ưu tiên phát triển kinh tế theo hướng điều chỉnh định hướng phát triển, cải tổ cơ cấu kinh tế, cải cách công ty và đồng thời chú trọng nâng cao phúc lợi xã hội, cải thiện điều kiện sống cho nhân dân.**

Đây là một đặc điểm nổi bật của chính sách phát triển kinh tế xã hội của Hàn Quốc trong giai đoạn từ những năm 1980 đến nay. Giáo sư Hun Nam Jing cho rằng “nếu Hàn Quốc không bị khủng hoảng tài chính 1997 thì có thể nói, quốc gia này là một mô hình trong việc kết hợp phát triển kinh tế với việc giải quyết các vấn đề xã

hội”<sup>(1)</sup>. Chính cuộc khủng hoảng này diễn ra làm bộc lộ những khiếm khuyết trong chính sách phát triển kinh tế của chính phủ Hàn Quốc, nhất là trên khía cạnh quá chú trọng vào các ngành công nghiệp nặng và hỗ trợ thái quá đối với các tập đoàn lớn. Dưới sự tư vấn của IMF, các biện pháp can thiệp theo hướng tự do đã được thực thi, nhờ đó nền kinh tế từng bước được phục hồi. Và chỉ hơn nửa thập niên sau đó nền kinh tế đã lấy lại đà tăng trưởng, GDP trên đầu người đã tăng mạnh từ 9000 đô la Mỹ năm 1997 lên tới xấp xỉ 14.000 vào năm 2004. Thành tựu lớn nhất về mặt xã hội được nhiều nhà nghiên cứu thừa nhận, đó là người dân Hàn Quốc hiện nay đang có một mức sống cao hơn so với bất cứ giai đoạn nào trước đó; tuổi thọ cao hơn; giáo dục đào tạo tốt hơn; phúc lợi xã hội tốt hơn và ngày càng được cải thiện. Tuy nhiên, quốc gia này cũng phải đối mặt với không ít các vấn đề gay gắt nhất là trên các phương diện ô nhiễm môi trường, tham nhũng và một số vấn đề khác. Đây chính là mặt trái của chính sách ưu tiên phát triển kinh tế trước rồi mới đến giải quyết các vấn đề xã hội mà hệ lụy này, Hàn Quốc không phải là nước duy nhất gặp phải.

**3. Hàn Quốc được coi là một trong những quốc gia công nghiệp hoá mới giải quyết tốt vấn đề phát triển nguồn nhân lực và đô thị hoá.**

Đây là một điểm mang tính đặc thù của Hàn Quốc xét trên nhiều phương diện, nhất là về kinh tế và xã hội. Như đã đề cập ở phần hai, vấn đề phát triển nguồn nhân lực được coi trọng bắt đầu từ khâu giáo dục và đào tạo. Ngay sau khi giành được độc lập, cùng với khôi phục kinh tế, Hàn Quốc đã xúc tiến công cuộc chấn hưng giáo dục và mô hình giáo dục theo kiểu Mỹ được áp

<sup>(1)</sup> Đây là ý kiến của GS. Hun Nam Jing trong cuộc trao đổi với Tác giả tại Hà Nội, tháng 8 năm 2005.

dụng. Giống như ở Nhật Bản, người Hàn Quốc đánh giá cao mô hình giáo dục của Mỹ bởi người ta cho rằng, nước Mỹ thành công trong kinh tế bắt nguồn từ việc nước này có một hệ thống giáo dục hoàn chỉnh có chất lượng cao. Ở thời kỳ đầu công nghiệp hoá, Hàn Quốc cần một lực lượng lao động không đòi hỏi kỹ năng cao và hệ thống giáo dục và đào tạo của họ bước đầu đáp ứng được. Và cùng với sự phát triển kinh tế, yêu cầu nguồn nhân lực có trình độ cao trở thành một sức ép lớn và điều này đã buộc chính phủ Hàn Quốc quan tâm nhiều hơn tới đào tạo và phát triển nguồn nhân lực. Một số chuyên gia Hàn Quốc cho rằng, xét ở phương diện cung ứng nguồn nhân lực phục vụ tiến trình công nghiệp hoá theo yêu cầu của từng thời kỳ khác nhau, nhất là thời kỳ trước khủng hoảng tài chính 1997 thì hệ thống giáo dục của nước này đã hoàn thành nhiệm vụ của nó; Tuy nhiên trước yêu cầu của hội nhập quốc tế và xã hội thông tin thì hệ thống giáo dục Hàn Quốc còn nhiều việc phải làm.

Cuộc cải cách giáo dục được xúc tiến mạnh và người ta hy vọng qua đó góp phần tạo ra nguồn nhân lực có trình độ cao đáp ứng được yêu cầu của Hàn Quốc trong tương lai. Một điểm có tính đột phá trong cuộc cải cách này là quan niệm xây dựng một hệ thống giáo dục mở, hướng tới tạo lập một xã hội học tập suốt đời (mọi lúc, mọi nơi, ở mọi lứa tuổi) ở đó mọi cá nhân đều có cơ hội để học tập và nâng cao trình độ và đổi mới quan niệm giáo dục, coi học sinh là khách hàng, nhà trường là doanh nghiệp sẽ tạo cơ hội cho việc xây dựng các chương trình học tối ưu và từ đó sẽ tạo ra những đổi mới trong cách dạy và học cũng như phong cách quản lý của các nhà giáo dục.

Xét ở phương diện xã hội thì đào tạo nguồn nhân lực đồng nghĩa với việc mở ra các cơ hội giáo dục cho người dân. Ở thời

kỳ đầu của công nghiệp hoá (đầu những năm 1960) chỉ cần tốt nghiệp phổ thông cơ sở là người ta có cơ hội để tìm việc làm. Vậy là cơ hội giáo dục mở rộng cho mọi người tạo ra sự bình đẳng học tập và đào tạo và khi tìm được việc làm thì sự bình đẳng trong công việc và thu nhập có cơ hội được thực thi. Có một điều lưu ý nữa trong phát triển nguồn nhân lực ở Hàn Quốc là chế độ tuyển dụng, sử dụng và đãi ngộ mang đậm phong cách phương Đông. Người ta thấy ở khía cạnh này, Hàn Quốc rất giống với Nhật Bản. Chính việc tuyển chọn lao động dựa trên học vấn, thuê mướn suốt đời, thăng tiến theo thâm niên và trả lương theo kinh nghiệm đã tạo ra sự yên tâm cho người lao động, tạo động lực cho họ cống hiến, tận tâm, tận lực cho doanh nghiệp. Và đây được coi là một yếu tố quan trọng góp phần làm nên “thần kỳ bên sông Hàn”. Tất nhiên là mặt trái của chế độ quản lý lao động kiểu này đã bộc lộ trong cuộc khủng hoảng tài chính 1997; Để vượt qua khỏi khủng hoảng và thích ứng với cuộc cải tổ cơ cấu kinh tế dưới sự bảo trợ của IMF, người Hàn Quốc cũng phải chấp nhận chuyển đổi sang kiểu quản lý năng động hơn mà ở đó giới chủ điều tiết hoạt động kinh doanh theo yêu cầu của qui luật thị trường. Công bằng mà xét thì chế độ quản lý lao động được áp dụng trước đây đã góp phần quan trọng trong việc giải quyết một vấn đề xã hội nổi cộm là kiểm chế thất nghiệp ở mức thấp nhất. Đây là điều được cả các nhà nghiên cứu kinh tế và lãnh đạo công đoàn ở Hàn Quốc thừa nhận. Tuy nhiên, thiếu hụt lao động và già hoá dân số đang là những vấn đề được quan tâm ở nước này. Có thể nói, tình trạng thiếu hụt lao động có kỹ năng cao và lao động không có tay nghề, cũng như vấn đề già hoá dân số là kết quả của sự thiếu vắng một chính sách dân số có hiệu quả từ chính phủ Hàn Quốc. Kết luận này được nhiều

nhà nghiên cứu ở Hàn Quốc chia sẻ. Lí lẽ của những người này là Hàn Quốc thành công lớn trên phương diện kinh tế và giải quyết tốt một số lĩnh vực xã hội quan trọng song lại yếu kém trong vấn đề này. Suốt trong hai thập niên 1960, 1970 dân số tăng vọt song sau đó lại giảm dần. Giống như các nước có nền kinh tế thị trường phát triển, chính phủ Hàn Quốc không thực thi chính sách “kế hoạch hoá gia đình” bởi họ coi đó là việc của mỗi công dân. Các giải pháp mang tính tuyên truyền, vận động được sử dụng trong thời kỳ những năm 1980 nhằm hạn chế một phần tốc độ tăng dân số. Thực ra thì, sự giảm sút tỷ lệ sinh phụ thuộc trước hết vào thay đổi nhận thức của thanh niên về hôn nhân và sinh con mà điều này lại gắn liền với trình độ phát triển kinh tế của quốc gia, vào mức thu nhập cá nhân và trình độ học vấn của mỗi người trong độ tuổi sinh đẻ. Trong quãng 3 thập niên gần đây, trình độ phát triển kinh tế Hàn Quốc nâng lên, thu nhập của người lao động gia tăng và đương nhiên trình độ học vấn của người Hàn Quốc cũng nâng lên rõ rệt và kết quả là nhận thức trong thanh niên Hàn Quốc về vấn đề này đã thay đổi. Thực tế cho thấy, tuổi kết hôn lần đầu là xấp xỉ 28 tuổi đối với nữ giới và là hơn 30 tuổi đối với nam giới. Và sau khi kết hôn nhiều cặp vợ chồng chỉ muốn sinh một con. Bên cạnh đó li hôn gia tăng và số người muốn sống độc thân cũng tăng lên. Và kết quả là tốc độ tăng dân số giảm sút, kéo theo tình trạng già hoá dân số. Theo nhiều dự báo, tới năm 2017 tỷ lệ tăng dân số đạt 0%. Và nước này phải đối mặt gay gắt với vấn đề già hoá dân số từ 2025. Rõ ràng, đây cũng đang là một thách thức thực sự đối với việc phát triển nguồn nhân lực của quốc gia này xét theo quan điểm chiến lược. Những nỗ lực của chính phủ Hàn Quốc nhằm giảm thiểu những thách thức này là điều đáng ghi nhận. Chẳng hạn sửa

đổi luật nhập cư người nước ngoài năm 2004 theo hướng linh hoạt và thuận lợi hơn cho lao động nước ngoài làm việc tại Hàn Quốc; hoặc khuyến khích và hỗ trợ tài chính cho những trường hợp sinh nhiều con vv...; cho đến nay, chưa đủ thời gian để đánh giá hiệu quả của những giải pháp này song người ta tin rằng nó sẽ góp phần làm giảm thiểu những thách thức trong lĩnh vực phát triển nguồn nhân lực ở Hàn Quốc.

Như chúng ta biết cùng với những thành công trong phát triển kinh tế, Hàn Quốc cũng gặt hái được những kết quả khích lệ trong tiến trình đô thị hoá. Thực ra thì tiến trình đô thị hoá được coi là một nội dung chính của các kế hoạch phát triển 5 năm kể từ 1961. Ở đó người ta xác định đô thị hoá gắn liền với phát triển các khu công nghiệp và mở rộng các thành phố. Bằng cách làm đó, chỉ sau khoảng 3,5 thập kỷ (1961-1995) 80% dân số Hàn Quốc đã được sống và làm việc tại các đô thị. Đây là một sự chuyển đổi mang tính cách mạng đối với người dân Hàn Quốc bởi năm 1960, có tới 70% dân số sinh sống tại các vùng nông thôn. Cho dù đô thị hoá nhanh kéo theo những bất cập về môi trường và tạo ra sự chênh lệch trong phát triển giữa các vùng, miền song người dân sống trong các khu đô thị đã được hưởng lợi rất nhiều từ các dịch vụ công và những tiện nghi mà hơn 3 thập niên trước còn là niềm mơ ước của họ. Xét trên phương diện xã hội thì đây là một thành công được ghi nhận tại Hàn Quốc.

**4. Chủ động giải quyết các vấn đề bất bình đẳng xã hội và an sinh xã hội - một đặc điểm rõ nét trong chính sách xã hội của chính phủ Hàn Quốc.**

Thực tế cho thấy, chủ động giải quyết những vấn đề này là một nội dung xuyên suốt trong chính sách xã hội của các chính quyền Hàn Quốc kế tiếp nhau từ sau khi giành được độc lập cho đến nay. Hàn Quốc được các giới phân tích nước ngoài ghi

nhận là một trong những quốc gia mới công nghiệp hoá thành công ở phương diện này cho dù không phải ở mức tốt nhất. Theo nhà kinh tế Byung Nak Song tại Đại học quốc gia Seoul, thì tăng trưởng kinh tế và giải quyết bất bình đẳng xã hội là cặp phạm trù song hành trong những quyết sách phát triển của Hàn Quốc. Và nhờ đó đã hạn chế tới mức có thể những bất bình đẳng trong phân phối thu nhập (cả tài sản và tiền) do quá trình tăng trưởng kinh tế mang lại. Khi đề cập tới vấn đề này, người ta không thể không kể tới các chính sách trợ giá nông sản, thực thi chính sách thuế thu nhập thấp đối với nông dân, trợ cấp nông dân thông qua chính sách tín dụng ưu đãi, phát động phong trào “làng mới”, cung cấp thông tin marketing, kiểm soát giá một số sản phẩm dịch vụ công, hạn chế qui mô sở hữu đất, đánh thuế cao đối với những người sở hữu nhiều bất động sản,... can thiệp trực tiếp và hỗ trợ thúc đẩy hệ thống an sinh xã hội. Cho đến nay Hàn Quốc đã xây dựng được một mạng lưới an sinh xã hội khá hoàn chỉnh và hoạt động có hiệu quả. Chính phủ nước này đang theo đuổi một chính sách nhằm loại bỏ những yếu kém trong lĩnh vực này, chú trọng nhiều hơn đến các dịch vụ công, cải cách giáo dục, tạo việc làm mới, đảm bảo phúc lợi cho người già, người tàn tật và chăm sóc sức khoẻ cho người dân với một chất lượng cao hơn.

**5. Những cố gắng trong cuộc đấu tranh chống tham nhũng của chính phủ góp phần đẩy lùi tham nhũng song cuộc chiến vẫn còn cam go.**

Có thể nói, tình trạng tham nhũng trong bộ máy công quyền của Hàn Quốc đã trở nên nghiêm trọng trong mấy thập kỷ qua nhưng cuộc đấu tranh chống tệ nạn này chỉ mới thực sự sôi động kể từ năm 1997. Chính phủ của Tổng thống Kim Dae Jung đã tuyên chiến thực sự với nạn tham

nhũng và được đánh giá cao. Ở Hàn Quốc, người ta nhận thấy rằng, tham nhũng phát sinh là do sự cấu kết giữa các quan chức nhà nước và các chủ công ty nhưng nguyên nhân sâu xa là lòng tham của những người tham nhũng dựa trên những tính toán lợi ích có được từ tham nhũng và rủi ro phải chịu. Đường như quan niệm coi đưa hối lộ và kiếm lợi do sở hữu quyền lực đã trở thành tập quán của nhiều người và trở thành căn bệnh kinh niên, khó chữa. Không ít người còn nhấn mạnh tới sự tăng trưởng kinh tế nhanh mang lại sự sung túc cho xã hội nhưng việc xây dựng những thiết chế quản lí và điều hành đã không tương xứng và kém hiệu quả đã tạo ra mảnh đất màu mỡ cho tham nhũng phát triển. Như vậy, tham nhũng ở Hàn Quốc xuất phát từ nhiều loại nguyên nhân, từ kinh tế, hành chính quan liêu, tập quán, văn hoá, sự cấu kết của các thế lực chính trị với giới kinh doanh và sự suy giảm về đạo đức xã hội.

Người ta cho rằng, nếu coi vấn đề tham nhũng là quan hệ giữa chi phí và lợi ích thì cuộc đấu tranh chống tham nhũng phải bắt đầu bằng việc xem xét nguồn gốc của các vụ tham nhũng cũng như các cơ hội phát sinh tham nhũng. Và bằng mọi cách để hạn chế các cơ hội đó, đồng thời gia tăng hình phạt đối với các vụ tham nhũng.

Thực tế cho thấy, trong những năm gần đây nhiều vụ tham nhũng qui mô lớn đã bị phát hiện và xử lí nghiêm. Đường như không có ngoại lệ cho bất cứ ai khi bị phát hiện tham nhũng. Chính sách chống tham nhũng ở Hàn Quốc được thực thi trong những năm gần đây theo hướng thúc đẩy cải cách hành chính và thể chế, nâng cao nhận thức của công dân về chống tham nhũng và tăng cường các biện pháp phát hiện và trừng phạt. Nhiều biện pháp tích cực được triển khai trong đó đáng chú ý là minh bạch trong các chương trình chi tiêu

của chính phủ của các tổ chức thụ hưởng ngân sách nhà nước; kiểm tra các hoạt động hỗ trợ phúc lợi xã hội, các hoạt động trợ cấp của chính phủ, kê khai tài sản cá nhân đối với các công chức quản lý nhà nước và mở rộng các cơ hội tiếp cận thông tin cho các công dân, ...; Điều lưu ý là sự tham gia của các tổ chức phi chính phủ trong cuộc đấu tranh chống tham nhũng ở Hàn Quốc ngày càng gia tăng và được cả xã hội khuyến khích; đồng thời tiến trình cải cách doanh nghiệp được xúc tiến mạnh nhất là trên phương diện chế độ quản lý, kế toán và áp dụng các qui tắc đạo đức trong kinh doanh. Nhờ những giải pháp mang tính đồng bộ đó, nạn tham nhũng ở Hàn Quốc đã bị đẩy lùi.

Tuy nhiên, người ta vẫn chưa lạc quan về vấn đề này bởi vẫn nạn tham nhũng được nhận thức như là một quan hệ giữa chi phí và lợi ích và đã trở thành tập quán “văn hoá” ở Hàn Quốc. Bởi vậy người ta chỉ có thể ngăn chặn, chứ khó có thể loại bỏ được tham nhũng khỏi đời sống xã hội. Ở khía cạnh này, Hàn Quốc không phải là một trường hợp cá biệt.

### **6. Những nỗ lực trong việc giải quyết các vấn đề môi trường.**

Nhận thức về vấn đề bảo vệ môi trường sống của người dân đã được thể hiện trong các kế hoạch 5 năm phát triển kế tiếp nhau của chính phủ Hàn Quốc nhưng phải đến năm 1977, chính phủ nước này mới thành lập uỷ ban bảo vệ môi trường. Từ đó công tác tư vấn và hỗ trợ giải quyết về ô nhiễm môi trường được quan tâm nhiều hơn. Và phải tới một thập niên sau đó người ta mới ban hành đạo luật gìn giữ môi trường tự nhiên. Kể từ đây vấn đề môi trường mới được nhận diện và xử lý theo những tiêu chí có tính pháp lý.

Thực tế cho thấy, chính phủ nước này trong các giai đoạn khác nhau đã có nhiều cố gắng để giảm thiểu nguy cơ ô nhiễm

môi trường song để giải quyết vấn đề này chính phủ cần chủ động hơn trong việc hướng dẫn và hỗ trợ các tầng lớp nhân dân bảo vệ môi trường; khuyến khích các tổ chức phi chính phủ và cần nỗ lực hơn trong hợp tác quốc tế để giải quyết vấn đề ô nhiễm, duy trì và nuôi dưỡng môi trường sinh thái trong sạch và hướng tới sự phát triển bền vững.

## **II. Những gợi ý cho Việt Nam**

Từ kinh nghiệm của Hàn Quốc trong việc giải quyết các vấn đề xã hội, chúng tôi đề xuất một số gợi ý sau đây đối với Việt Nam,

**1. Cần đổi mới quan niệm trong việc nhận thức các vấn đề xã hội.** Kinh nghiệm của Hàn Quốc chỉ ra rằng, các vấn đề xã hội chủ yếu mang tính tổng thể, tác động lớn đến đời sống xã hội của một quốc gia và giải quyết được những vấn đề này sẽ làm thay đổi diện mạo xã hội của một quốc gia. Đó là công bằng xã hội, phân tầng xã hội, đào tạo và phát triển nguồn lực, đô thị hoá, an sinh xã hội, vấn đề tham nhũng, chống tham nhũng và bảo vệ môi trường. Việc nhận thức đúng các vấn đề xã hội chủ yếu sẽ tạo cơ sở cho việc nhận diện đúng vị trí và nội dung của các vấn đề này, từ đó cho phép các nhà hoạch định chính sách đề ra các giải pháp phù hợp, có căn cứ khoa học, căn cứ thực tiễn và có tính khả thi.

**2. Coi việc giải quyết các vấn đề xã hội chủ yếu là sự nghiệp của toàn dân,** bởi đây là công việc gắn trực tiếp với lợi ích của họ. Kinh nghiệm của Hàn Quốc cho thấy sự thiếu vắng của công chúng, chẳng hạn trong vấn đề chống ô nhiễm môi trường ở thời kỳ đầu công nghiệp hoá, đã làm giảm hiệu quả việc thực thi các chính sách của nhà nước. Và ở trên một khía cạnh nào đó, kinh nghiệm của Việt Nam trong những năm gần đây cho thấy thiếu sự đồng thuận của người dân thì kết

quả sẽ rất hạn chế thậm chí gây tác động ngược. Chúng ta có thể kể ra đây một số thí dụ, ở đâu có sự đóng góp và giám sát của các tổ chức chính trị cơ sở và của người dân địa phương thì chương trình xoá đói, giảm nghèo hay chương trình 327 thu được kết quả cao và ngược lại; hay nếu vấn đề lợi ích của người dân gắn với chính sách phát triển khu công nghiệp, khu đô thị mới,... được xử lý với sự vào cuộc của các tổ chức chính trị - xã hội cơ sở và của người dân địa phương thì tình trạng khiếu kiện đông người sẽ giảm xuống...; Vấn đề chống tham nhũng và bảo vệ môi trường cũng tương tự như vậy.

**3. Tạo điều kiện để cho một bộ phận dân cư giàu lên trước và từng bước xây dựng tầng lớp trung lưu khá giả.** Chính tầng lớp này là “con Ngỗng đẻ trứng vàng”. Chính họ chứ không phải các công chức nhà nước, cũng không phải là những người nghèo tốt bụng hay những người nông dân chất phát tạo ra sự sung túc cho xã hội. Họ là những chủ doanh nghiệp lớn, vừa và nhỏ, họ là những chủ các trang trại, họ là những nghệ sỹ, vận động viên và những người nổi tiếng khác đang ngày đêm cần mẫn tạo ra nhiều của cải cho xã hội. Nhà nước cần xây dựng một chiến lược, một hệ chính sách với những cơ chế thông thoáng để họ làm giàu. Và sau đó chính phủ sẽ thực thi một chính sách thuế thu nhập phù hợp để điều tiết và phân phối lại lợi ích cho các tầng lớp nghèo khổ khác. Đây cũng là một giải pháp tốt để xử lý các vấn đề xã hội. Kinh nghiệm của Hàn Quốc cho thấy người ta không trực tiếp đề cập như vậy song việc nước này tuân thủ cơ chế kinh tế thị trường không bóp méo đã tạo cơ hội cho việc xuất hiện một tầng lớp trung lưu khá trong xã hội Hàn Quốc; và chỉ sau hơn 3 thập niên đã có tới 80% người dân Hàn Quốc tự nhận mình thuộc tầng lớp trung lưu. Điều lưu ý

là chính sách thuế thu nhập đối với tầng lớp này phải được thực thi theo hướng nuôi dưỡng nguồn thu và thúc đẩy phát triển sản xuất chứ không phải điều tiết theo quan niệm “tước đoạt” người giàu. Kinh nghiệm của hai cuộc cải cách ruộng đất ở Hàn Quốc chỉ ra rằng chỉ điều tiết qui mô ruộng đất chứ không thủ tiêu địa chủ là cách làm hợp lí nhằm nuôi dưỡng lực lượng sản xuất trong nông nghiệp và họ rất thành công trên phương diện này. Và có thể nói, hỗ trợ và phát triển tầng lớp trung lưu khá, tạo cho họ có cơ hội làm giàu trước là một trong những giải pháp quan trọng trong việc giảm thiểu bất bình đẳng xã hội hướng tới tạo ra sự bình đẳng thực sự dưới tác động của cơ chế kinh tế thị trường.

**4. Gia tăng tốc độ của cải cách hành chính và thể chế.** Việt Nam đang thực hiện công cuộc cải cách hành chính và đã thu được những kết quả nhất định song tốc độ của cuộc cải cách diễn ra chậm chạp. Cần phải tăng tốc cuộc cải cách này và bằng mọi sự nỗ lực để tạo ra một bộ máy gọn nhẹ với một cơ chế vận hành có hiệu quả. Đồng thời thực hiện chính sách giảm thiểu sự can thiệp trực tiếp vào các quyết định kinh tế. Kinh nghiệm của Hàn Quốc cho thấy sự can thiệp trực tiếp của nhà nước thực sự có hiệu quả ở giai đoạn tiền công nghiệp hoá và sau đó phải chuyển đổi sang cơ chế can thiệp gián tiếp thông qua việc sử dụng các công cụ pháp lý, tài chính và tiền tệ. Cách can thiệp này tạo điều kiện cho nền kinh tế tăng tốc và đạt tới “sự tích sông Hàn” chỉ trong vòng có hơn 3 thập niên. Tuy nhiên, sự can dự quá sâu về kinh tế và chuyển đổi chậm trong cơ chế can thiệp đã tạo cơ hội cho tham nhũng lan tràn. Điều này, một lần nữa cho chúng ta gợi ý rằng, hoàn thiện cơ chế và chuyển đổi nhanh phương thức can thiệp sẽ góp phần to lớn vào việc giải quyết các

vấn đề xã hội chủ yếu của đất nước. Sự nuối tiếc quá khứ quan liêu tập trung vẫn đang níu kéo công cuộc cải cách hành chính của Việt Nam. Có thể minh chứng điều này bằng một thí dụ trong đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao, đó là chỉ tiêu “đầu vào” (có từ thời bao cấp) của các trường đại học vẫn được giao từ Bộ giáo dục đào tạo, trong khi đó “đầu ra” thì các trường tự lo. Cách làm này trên thực tế đã thủ tiêu sáng kiến của cơ sở và không khuyến khích các trường nuôi dưỡng thương hiệu của riêng mình, không chăm lo tới chất lượng đội ngũ những người giảng dạy,... và như vậy thì làm sao chúng ta đào tạo được một lực lượng lao động có kỹ năng? Bên cạnh đó, với cơ chế trả lương như hiện nay, kiểu trả lương chẳng khác thời kinh tế tập trung bao cấp là mấy (cho dù đã cải cách, điều chỉnh), thử hỏi liệu bao giờ chúng ta mới có thể xây dựng được một nguồn nhân lực có chất lượng cao, đáp ứng được yêu cầu của quá trình công nghiệp hoá đất nước..

**5. Vai trò khuyến khích các tổ chức phi chính phủ (NGO) và đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong việc giải quyết các vấn đề xã hội chủ yếu.** Kinh nghiệm Hàn Quốc cho thấy các tổ chức NGO có vai trò quan trọng trong việc giải quyết các vấn đề phúc lợi xã hội, giảm bất bình đẳng xã hội và giúp gìn giữ và bảo vệ môi trường. Ở Việt Nam, các NGO quốc tế đã có mặt từ hơn một thập niên qua. Nhiều tổ chức hoạt động rất có hiệu quả trong lĩnh vực xoá đói giảm nghèo, y tế, môi trường, ...vv. Cần phải có một cuộc tổng điều tra các NGO quốc tế hoạt động tại Việt Nam, để từ đó xây dựng các chính sách điều tiết thích hợp theo hướng khuyến khích tích cực, chủ động của họ; Bên cạnh đó chính phủ cần xây dựng chiến lược phát triển khuôn khổ pháp lý và hoạch định một chiến lược phát triển

các NGO Việt Nam, khuyến khích các NGO này hoạt động trong các lĩnh vực an sinh xã hội, y tế, giáo dục, cứu trợ nhân đạo và bảo vệ môi trường.

Đồng thời chính phủ cần chủ động tham gia và đề xướng các chương trình hợp tác quốc tế với các nước trong khu vực Đông Á và các tổ chức quốc tế khác trong việc giải quyết các vấn đề xã hội mang tính toàn cầu như môi trường, dịch bệnh, đói nghèo, buôn lậu, rửa tiền, vv...

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Korea: Better social policies for a stronger economy*, By Willem Adema, Peter Tergeist and Raymond Torres, Directorate for Employment, Labour and Social Affairs Published, November 2000.
2. *The Economic and Social Environment : Current Changes and Future Prospects*, Human Resources, Knowledge, and a New Take-Off.
3. Occasional Paper 24 - *Economic Growth and Human Development in the Republic of Korea, 1945-1992*, Jong-Wha Lee.
4. *National Strategies for Economic and Social Development of Korea* Sang-Young Sonn, Korea Information Society Development Institute.
5. *Impact of Korea's Economic Development on Social Conditions*, Kim Chul-Kyoo, Professor of Economics Korea University, Mar- Apr 2005, Vol. 13, No. 3.
6. International Monetary Fund, *Review of Social Issues and Policies in IMF-Supported Programs*, Prepared by the Fiscal Affairs and Policy Development and Review Departments, August 27, 1999.
7. *Social Development in Korea, 1953-1993* by Irma Adelman, FRSA.
8. *Growth with equity: policy lessons from the experience of the republic of Korea*, Hyungpyo Moon, KDI Seoul.
9. *Economic Globalization and Social Stabilization: A Dual Challenge for Korea*, by Werner Pascha, Duisburg Working Papers on East Asian Studies, No.13/1997.
10. *Kinh tế Hàn Quốc đang trỗi dậy*, Byung Nak Song, Nhà xuất bản Thống kê, 2002.
11. *Cải cách giáo dục ở Hàn Quốc*, Viện nghiên cứu phát triển giáo dục, NXB Giáo dục, 1999.
12. *Cải cách hành chính giáo dục Hàn Quốc hướng tới thế kỷ XXI*, Kim Hong Won, Vấn đề cải cách hành chính Hàn Quốc, NXB Văn hóa Châu Á, 1998.
13. *Cải cách giáo dục ở Hàn Quốc*, Ngô Xuân Bình (cb), Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà nội, 2002.